

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đạt Thông.

Ông Nguyễn Trần Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh
Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST-DS ngày 12
tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D,
tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D,
tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp X, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Anh Trần Thanh P, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Anh Trần Hoàng S, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện XM, tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H; chị Trần Thị Hồng N; anh
Trần Thanh P; anh Trần Tuấn A; anh Trần Hoàng S, chị Trần Thị Hồng N là ông
Trần Văn C theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T
(Có mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;

- Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 2002. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T;
- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Văn T5 là bà Trần Thị Thùy T theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021 (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày: Gia đình ông có thửa đất 686, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.968m², tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T. Nguồn gốc đất trước đây là của ông Trần Văn Đ (đã chết) cha của ông C tặng cho lại ông canh tác vào năm 1975, nhưng không có giấy tờ và cha ông cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông C đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2005. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do vào năm 2020 bà Trần Thị Thùy T là chủ sử dụng thửa 1437, diện tích 548m², tờ bản đồ số 09 nằm giáp ranh với thửa 686 của ông C tại hướng Đông, có tiến hành xây dựng hàng rào lấn qua phần đất của ông C với chiều ngang là 1m. Thấy vậy, ông C có yêu cầu bà T ngừng lại việc xây dựng Hng rào, nhưng bà T không đồng ý và tiếp tục làm cho đến khi hoàn thành như hiện nay. Vì vậy, ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thùy T tháo dỡ hàng rào trả lại cho ông C phần diện tích lấn chiếm. Theo đơn khởi kiện ban đầu ông C yêu cầu bà T trả lại phần diện tích là 29,7m², nằm trong tổng diện tích 1.968m² thửa 686, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T do ông Trần Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua tư liệu địa chính xác định phần diện tích tranh chấp là 29,4m² nằm trong tổng diện tích 548m², thuộc thửa 1437, tờ bản đồ số 09 do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2020, bản tự khai 09/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị Thùy T trình bày: Gia đình bà có thửa đất số 1437, diện tích 548m², tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T. Nguồn gốc đất là của ông Đỗ Công L (đã chết) ông ngoại của bà T, tặng cho mẹ ruột của bà tên Đỗ Tuyết V canh tác, sử dụng vào năm 2009. Sau đó, bà V tặng cho con ruột là Trần Thị H canh tác, sử dụng. Đến năm 2018 thì bà H tặng cho lại bà T sử dụng cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp do ông Trần Văn C cho rằng bà T xây dựng Hng rào lấn qua đất của ông C với chiều ngang 1m, nhưng bà T không thống nhất, bởi phần đất này được ông, bà, cha, mẹ của bà sử dụng từ trước đến nay, có phân ranh bằng 02 trụ đá nên bà chỉ việc sử dụng theo ranh đã cắm sẵn. Do đó, bà không đồng ý di dời hàng rào, trả đất theo yêu cầu của ông C.

Tại bản tự khai 09/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị Thùy T, hiện ông T1 cùng với bà T canh tác, sử dụng thửa đất 1437, tờ bản đồ số 09 nêu trên. Ông T1 cho rằng gia đình ông sử dụng đất theo ranh đã có sẵn nên không có lấn chiếm qua đất của ông C. Do đó, ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông C.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Ngô Thị H; chị Trần Thị Hồng N; anh Trần Thanh P; anh

Trần Tuấn A; anh Trần Hoàng S, chị Trần Thị Hồng N có người đại diện là ông Trần Văn C trình bày: bà Ngô Thị H; chị Trần Thị Hồng N; anh Trần Thanh P; anh Trần Tuấn A; anh Trần Hoàng S, chị Trần Thị Hồng N yêu cầu bà Trần Thị Thùy T tháo dỡ hàng rào trả lại cho ông C phần diện tích lấn chiếm là 29,7m², nằm trong tổng diện tích 1.968m² thửa 686, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T do ông Trần Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua tư liệu địa chính xác định phần diện tích tranh chấp là 29,4m² nằm trong tổng diện tích 548m², thuộc thửa 1437, tờ bản đồ số 09 do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Văn T5 có người đại diện là bà Trần Thị Thùy T trình bày: anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn T4, anh Nguyễn Văn T5 là con ruột của bà Trần Thị Thùy T không thống nhất trả đất theo yêu cầu của ông Trần Văn C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn C vẫn giữ yêu cầu bà Trần Thị Thùy T tháo dỡ hàng rào trả lại cho ông C phần diện tích tranh chấp là 29,4m² (theo tư liệu địa chính) nằm trong tổng diện tích 548m², thuộc thửa 1437, tờ bản đồ số 09 do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bị đơn bà Trần Thị Thùy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến: Thứ nhất, về nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cha mẹ cho và được cấp quyền sử dụng đất với số thửa 686, diện tích 1968m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2005. Thứ hai, vị trí khởi kiện của nguyên đơn về ranh đất được xác định từ thời ông Đỗ Công L là 01 bờ ruộng, bờ ruộng đó được thực hiện qua các thế hệ từ ông Đỗ Công L đến bà V và bà H. Về phía bị đơn cũng thừa nhận nguồn gốc đất từ ông Đỗ Công L cho bà V, bà V chuyển cho bà H. Nhưng cùng thời điểm tách thửa tặng cho đất, ông Đỗ Công L tách thửa 693A tặng cho con chỉ có diện tích 480m² không phải diện tích 548m² theo bút lục 159. Căn cứ vào bút lục số 20 là bản phát họa sơ đồ vị trí đất tranh chấp thể hiện diện tích 29,4m² nằm trong thửa 686, tờ bản đồ số 09 thuộc đất của ông Trần Văn C. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại phần diện tích 29,4m² nằm trong tổng diện tích 548m², thuộc thửa 1437, tờ bản đồ số 09 do bà Trần Thị Thùy T đứng tên và căn cứ theo Điều 12 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét miễn án phí cho ông Trần Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hai bên đương sự đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với diện tích đất tranh chấp $29,7m^2$ (đo thực tế $29,4m^2$) nằm trong tổng diện tích $548m^2$, thửa 1347, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T.

- Bà Trần Thị Thùy T được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp $29,4m^2$ nằm trong tổng diện tích $548m^2$, thửa 1347, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T.

- Về chi phí thẩm định: Buộc ông Trần Văn C phải nộp chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc ông Trần Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do ông C là thương binh hạn 4/4 và là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về kiến nghị khắc phục: Yêu cầu Thẩm phán thực hiện nghiêm quy định tại khoản 01 Điều 203 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn di dời hàng rào, trả lại phần diện tích $29,4m^2$ đất, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T. Đây là quan hệ pháp luật “ *Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện được quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Việc ông C yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ông H làm người làm chứng cho ông, nhưng qua quá trình thẩm vấn ông C cho biết ông H là con ruột bà Trần Thị Đ, mà bà Đ đã được Tòa án lấy lời khai ngày 10/5/2022 tại bút lục số 181. Hơn nữa, ông H có mối quan hệ bà con với ông C và không sống gần khu vực đất tranh chấp. Ông C có trao đổi với ông H về việc đến Tòa án làm chứng cho ông, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H không có mặt. Do đó, nhận thấy việc triệu tập ông H là không cần thiết, không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn C yêu cầu bà Trần Thị Thùy T tháo dỡ Hng rào trả lại cho ông C phần diện tích lấn chiếm là $29,4m^2$ nằm trong tổng diện tích $548m^2$ thửa 1437, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T (tư liệu theo

kết quả đo đạc địa chính) do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Trần Văn C là chủ sử dụng thửa đất số 686, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.968m^2 nằm giáp ranh với thửa đất 1437, tờ bản đồ số 09, diện tích 548m^2 do bà Trần Thị Thùy T là chủ sử dụng. Theo ông C, tính từ thời điểm ông ngoại của bà T sử dụng đất, giữa hai bên đã phân ranh bằng 01 bờ ruộng, không có cắm trụ đá để phân ranh. Theo bà T, kể từ khi mẹ của bà, rồi em ruột của bà và đến lượt bà sử dụng thì đã có sẵn 02 trụ đá là ranh giới giữa hai bên. Do đó, vào năm 2020 bà T tiến hành làm hàng rào có trụ bằng cột bê tông cốt thép, từ trụ đá vào trong đất của bà. Nhưng ông C cho rằng bà T làm hàng rào lấn chiếm qua đất của ông C có chiều ngang 01 (một) mét. Vì vậy, giữa hai bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Xét Công văn số 964/UBND-NC ngày 15/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện D khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 686, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.986m^2 cho ông Trần Văn C là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định. Tiếp tục, xét Văn bản số 231/STNMT – VPĐKĐĐ ngày 27/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh khẳng định việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có mã số phát hành 253142, tức thửa số 1437, diện tích 548m^2 , tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T cho bà Trần Thị Thùy T vào ngày 10/12/2018 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đúng đối tượng sử dụng đất.

Tiếp tục, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là những tư liệu địa chính về lịch sử biến động đối với thửa 686 của ông C qua từng giai đoạn nhận thấy: theo tư liệu năm 1983 là thửa 657, diện tích 1.530m^2 do bà Hà Thị B kê khai. Theo tư liệu năm 1998 là thửa 686, diện tích 1.986m^2 do ông C kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C vào năm 2005. Tương tự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là những tư liệu địa chính về lịch sử biến động đối với thửa 1437 của bà T qua từng giai đoạn nhận thấy: theo tư liệu năm 1983 là thửa 656, diện tích 1.970m^2 . Theo tư liệu năm 1998 là thửa 693A, diện tích 726m^2 do ông Đỗ Công L kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L vào năm 2003. Đến năm 2009, ông L xin tách thửa 693A thành thửa 1437, diện tích 548m^2 và thửa 693A, diện tích 178m^2 . Như vậy, thông qua lịch sử biến động cho thấy giữa hai thửa đất không có sự cấp đất chồng lấn lên nhau và ranh giới hai bên đã được hình thành trên bản đồ địa chính qua từng giai đoạn.

Ngoài ra, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh thì phần đất tranh chấp giữa hai bên được xác định là $29,4\text{m}^2$ thuộc thửa số 1437 do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 1437 có chiều 29,4m;
- Phía Tây giáp thửa 686 và thửa 687 có chiều dài 29,4m;
- Phía Bắc giáp thửa 1437 có chiều dài 01m;
- Phía Nam giáp thửa 689 có chiều dài 01m.

Xét lời trình bày của những người dân sinh sống và có đất nằm gần đất tranh chấp gồm có bà Trần Thị Đ; ông Phạm Văn Đ1; ông Lê Văn T. Trong đó, có ông Lê Văn T có nhà và đất nằm giáp ranh với đất tranh chấp ở phía Nam, bà Trần Thị Đ có nhà và đất giáp ranh với đất tranh chấp ở phía Bắc. Ông T và bà Đ trình bày thống nhất phần đất tranh chấp, tức từ phía hàng rào của bà T làm trở vào đất bà T từ trước đến nay đều do bên phía bà Trần Thị Thùy T canh tác, sử dụng.

Như vậy, qua những tài liệu chứng cứ nêu trên, xét thấy phần diện tích 29,4m² được bà Trần Thị Thùy T sử dụng đúng theo ranh giới trên thực tế và trên bản đồ tư liệu địa chính. Do đó, việc ông Trần Văn C yêu cầu bà Trần Thị Thùy T trả lại diện tích 29,4m² là không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhận thấy như sau:

Thứ nhất, phần diện tích 548m² cấp cho bà T có tăng lên so với đơn xin tách thửa của ông L tại bút lục số 159, nhưng diện tích tăng lên được tách từ thửa 693A diện tích 726m² nên không ảnh hưởng đến phần diện tích của thửa 686 của ông C.

Thứ hai, tại bút lục số 20 là sơ đồ phát họa vị trí đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã LV phát họa ban đầu kèm theo hồ sơ hòa giải ở cơ sở, việc phát họa này chưa qua đo đạc, thẩm định của cơ quan chuyên môn nên độ chính xác chưa cao. Do đó, không thể làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Từ đó, xét thấy quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chưa có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng: chi phí thẩm định, định giá, lệ phí cung cấp hồ sơ địa chính ông Trần Văn C đã nộp tạm ứng chi phí với tổng số tiền là 5.500.000 đồng, đã chi phí hết số tiền 3.800.954 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông C phải chịu 3.800.954 đồng bao gồm chi phí thẩm định, định giá, lệ phí cung cấp hồ sơ địa chính. Số tiền tạm ứng chi phí còn thừa sẽ được hoàn trả lại cho ông C.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Trần Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng do ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 169, Điều 228, Điều 229 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 166; Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 12, 14,

15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn C về việc yêu cầu bà Trần Thị Thùy T tháo dỡ hàng rào trả lại cho ông C phần diện tích lấn chiếm là 29,4m², nằm trong tổng diện tích 548m² thửa 1437, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T.

1. Bà Trần Thị Thùy T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 29,4m² nằm trong tổng diện tích 548m² thửa 1437, tờ bản số 09, tọa lạc tại ấp C, xã LV, huyện D, tỉnh T do bà Trần Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất. Vị trí đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 1437 có chiều 29,4m;
- Phía Tây giáp thửa 686 và thửa 687 có chiều dài 29,4m;
- Phía Bắc giáp thửa 1437 có chiều dài 01m;
- Phía Nam giáp thửa 689 có chiều dài 01m.

(Kèm theo bản vẽ sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)

2. Về án phí: Ông Trần Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0000569 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí thẩm định, định giá, lệ phí cung cấp hồ sơ địa chính ông Trần Văn C đã nộp tạm ứng chi phí với tổng số tiền là 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng. Ông C phải chịu 3.800.954 (*Ba triệu tám trăm nghìn chín trăm năm mươi bốn*) đồng bao gồm chi phí thẩm định, định giá, lệ phí cung cấp hồ sơ địa chính. Ông C được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí còn thừa 1.699.046 (*Một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi sáu*) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**